

TẶNG PHẨM NGOẠI GIAO CỦA THANH TRIỀU

Nguyễn Duy Chính



MỞ ĐẦU

“Sau đó Lord Macartney trèo lên bộ trình lá thư của Anh hoàng và một số tặng phẩm nho nhỏ, đồng hồ. Hoàng đế đưa cho ông một vật tạc loẵng ngoẵng và một cục đá hình dáng cũng tương tự nhưng màu trắng cho vua nước Anh. Sau khi viên sứ thần đi xuống, đến lượt cha tôi và tôi lên hành lễ. Hoàng đế cũng cho cha tôi một cục đá ... và lấy ra một cái túi nhỏ màu vàng đeo ở bên người đưa cho tôi. Ông ta bảo tôi nói vài tiếng Tàu xem sao, và tôi làm theo, cảm ơn ông về món quà ...”¹

Trên đây là lời tường thuật của cậu bé Thomas Staunton, con trai của phó sứ George Staunton trong phái đoàn nước Anh qua triều kiến vua Càn Long để điều đình việc thông thương giữa Anh quốc và Trung Hoa năm 1793. Cũng việc này, Lord Macartney viết:

“... món quà đầu tiên ông (vua Càn Long) gửi cho hoàng thượng (Anh hoàng) là cái ju-eu-jou hay giou-giou, biểu tượng cho hoà bình và thịnh vượng, cùng bày tỏ niềm hi vọng rằng vương quốc chúng ta và của ông sẽ mãi mãi sống trong liên hệ tốt đẹp và tình bằng hữu. Vật đó là một cục đá trắng, giống như mã não (agate-looking) dài chừng 45 cm, khắc hình dáng lạ kỳ mà người Trung Hoa rất quý trọng, nhưng với tôi thì xem chừng chẳng có giá trị bao nhiêu.

Nhà vua sau đó cũng cho tôi một cái ju-eu-jou bằng đá xanh cũng tương tự; trong khi cũng lúc đó ông nhận của chúng tôi một cặp đồng hồ tráng men nạm kim cương tuyệt đẹp ... mà ông chỉ liếc qua rồi đưa cho viên thị thần.

... Đến lượt Sir George Staunton ... tiến lên, sau khi cũng quì một chân như tôi đã làm, dâng lên hoàng đế hai chiếc súng hơi xinh xắn, cũng nhận được một chiếc ju-eu-jou màu xanh tương tự như cái của tôi.”

Những món quà mà người Anh coi thường đó thực ra lại rất đặc biệt đối với người Trung Hoa, không phải vì giá trị vật chất của nó mà là vì biểu tượng những đồ vật đó tượng trưng. Cái khối ngọc lằng ngoẵng (a piece of carved serpentine) mà Macartney phiên âm thành ju-eu-jou nghe na ná như jujou tiếng Pháp có nghĩa là “đồ chơi của trẻ con” thực ra là một khối ngọc tạc hình một cây nắm linh chi gọi là *như ý* (如意 - ju-i), còn cái túi mà vua Càn Long lấy ra ban cho cậu bé người Anh gọi là *hà bao* (荷包) tuy chỉ là một vật tầm thường nhưng được miêu tả là cao quý hơn mọi tặng vật khác vì một món quà gì do đáng chí tôn đeo trong người “vẫn còn hơi ấm từ thân thể ông coi như có sức mạnh kỳ diệu”.²

Cái cảm nghĩ sai lầm bắt nguồn từ sự khác biệt văn hoá đã gây nên mâu thuẫn trầm trọng giữa hai quốc gia. Người Trung Hoa coi phái đoàn Anh như một phiên bang tỏ ý thần phục sang triều cống thiên triều chứ không coi là một phái đoàn ngoại giao muốn thông thương. Việc ban cho phiên thần, phiên vương ngọc như ý cũng vinh hạnh và cao quý như việc một vị giáo tông ban phép lành cho tín đồ, dù rằng đối với người ngoài thì chỉ là một hành vi thuần tuý biểu tượng.

Cũng những món đồ đó, sứ thần Đại Việt khi công du sang Tàu được ban thưởng lại mang một ý nghĩa khác hẳn, ngoài việc nâng cấp vương quốc An Nam đối với các chư hầu, cũng còn là một ân sủng hiếm có mà từ trước đến nay nước ta chưa hề được hưởng. Cũng chính từ những ưu đãi này, triều đình Quang Trung đã “giải mã” thành một tín hiệu tốt nảy ra ý cầu hôn công chúa cùng “xin” vua nhà Thanh một mảnh đất để làm chỗ đóng đô.

CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO CỦA THANH ĐÌNH

Từ thượng cổ, người Trung Hoa vẫn coi mình là trung tâm điểm của thiên hạ, những quốc gia khác là cánh hoa vây quanh nhị hoa, phải thần phục và triều cống họ. Quan niệm về thế giới không phải như tương quan quốc gia với quốc gia chúng ta thấy ngày nay mà là tương quan giữa thiên tử với chư hầu trong đó hoàng đế Trung Hoa là đại diện của thượng đế, nắm giữ thiên mệnh, là cao điểm của văn minh khiến các nơi phải châu về chẳng khác gì muôn vàn tinh tú hướng về sao Bắc Thần. Theo John K. Fairbank, có ba nhóm phiên thuộc chính:



- những quốc gia đồng văn cận kề với nước Tàu trong quá khứ đã từng bị họ cai trị, chịu ảnh hưởng sâu đậm của Hán tộc như Triều Tiên, Đại Việt, Lưu Cầu ...
- những quốc gia ở vùng Trung Á có liên quan mật thiết trong lịch sử với họ tuy cũng kế cận nhưng chủng tộc và tiếng nói khác với người Trung Hoa,
- những quốc gia ở xa được mệnh danh là “ngoại di” (外夷) ở xa xôi chưa thấm nhuần vương hóa nhưng thần phục thiên triều qua đường thương mại³.

Người Trung Hoa cũng cố ghi chép lại những hiểu biết của họ về thế giới bên ngoài, mặc dầu lắm khi không chính xác. Sơn Hải Kinh viết vào khoảng thế kỷ thứ hai trước Tây Lịch miêu tả nhiều sắc dân chỉ có trong thần thoại, lẫn lộn thực và giả. Những sách vở về sau như *Chức Cống Đồ* (職貢圖), *Tây Vực Chư Quốc Phong Vật Đồ* (西域諸國風物圖), *Dị Vực Đồ Chí* (異域圖志), *Hoàng Thanh Chức Cống Đồ* (皇清職貢圖) ghi nhiều chi tiết và chính xác hơn. *Hoàng Thanh Chức Cống Đồ* in năm 1761 bao gồm 10 quyển trong đó quyển đầu chép về các nước phiên thuộc đã lâu như Triều Tiên, Lưu Cầu, An Nam, Xiêm La, Sulu, Lào, Miến Điện ... và các nước ở xa như Đại Tây Dương, Tiểu Tây Dương (Anh, Pháp, Thụy Điển, Hòa Lan, Nga La Tư, Phi Luật Tân). Sự phân định của nhà Thanh rõ ràng không theo đúng với vị trí địa lý vì lẫn lộn cả các nước Âu Châu với Nhật Bản, Borneo, Cambodia, Java, Sumatra. Các nước Tây phương nhiều khi nhầm quốc gia này với quốc gia khác, có những chi tiết lạ đời chẳng hạn như Pháp và Bồ Đào Nha trước kia theo đạo ... Phật. Chỉ có những quốc gia lân cận tương đối chính xác vì có thể tham khảo những sách vở khác như *Tam Tài Đồ Hội* (三才圖會) (1607) hay *Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành* (古今圖書集成) (1725).⁴

Vấn đề đối phó với ngoại phiên cũng còn do kinh nghiệm thực tế của Hán tộc. Lịch sử Trung Hoa biến chuyển theo một mô thức gần như nhất định. Việc thay chủ đổi ngôi từ triều đại này sang triều đại khác bao gồm hai yếu tố chính, bên trong loạn lạc, triều chính suy vi, bên ngoài bị giặc xâm chiếm khiến nhân tâm ly tán, tướng sĩ không hết lòng. Nhà Thanh làm chủ trung nguyên cũng ở trong trường hợp đó. Chính vì thế vấn đề ngoại giao đối với Thanh đình càng trở nên quan trọng, luôn luôn tìm cách để chinh phục các quốc gia xung quanh, khi thì võ lực, lúc lại vỗ về để giảm bớt họa hoạn. Riêng vua Cao Tông, ông đề ra một chính sách ngoại giao khá linh động, một mặt dùng võ lực để chinh phục, đồng thời cũng khéo léo vỗ về để các phiên thuộc không nổi lên chống đối. Nhà Thanh chỉ chính thức công nhận bốn nhóm ngoài Hán tộc, tất cả đều là dân bán du mục, cưỡi ngựa sống dọc theo biên giới phía bắc và phía tây Trung Hoa. Đó là người Mãn Châu, Mông Cổ, Hồi Cương, Tây Tạng và vua Càn Long đã cố gắng học cả bốn thứ tiếng này ngõ hầu có thể trực tiếp giao thiệp với họ khi các phiên vương, tù trưởng đến triều kiến⁵. Những sắc lệnh quan trọng đều được viết bằng và bốn thứ tiếng Hán, Mãn, Tạng và Mông.

Ngay từ đời thượng cổ, người Trung Hoa đã đề ra một sách lược giao thiệp với các nước chung quanh đặt tên là *ky mi* (羈縻) coi việc liên hệ với phiên quốc như cầm cương ngựa, tuy thả lỏng nhưng không bao giờ cắt đứt (*ky mi bất tuyệt* - 羈縻不絕). Chính sách đó uyển chuyển tùy thời, khi cứng khi mềm, khi văn trị, khi võ lực. Tuy nhiên không phải vì thế mà không có những triều đại mà người Trung Hoa phải chịu khuất phục các quốc gia khác, mặc dầu trên danh vị vẫn nói mẽ là “*dây mềm buộc chặt*”, khi thì phải gả con gái cho các chúa Hung Nô, khi thì phải xưng thần với Liêu chúa. Năm 1138, vua Nam Tống phải nhận làm cháu (điệt nhi) và gọi vua Kim là chú (thúc phụ), hàng năm phải tiến cống vàng bạc, lụa là. Đời Hán, đời Đường vua chúa phải gả con cho các tù trưởng vùng Tây Vực.

Tới đời Thanh, chi tiết và địa vị của các phiên thuộc do Lý Phiên Viện (理藩院) sắp đặt và qui định, các quốc gia thần phục phải gửi bản đồ và chi tiết về sinh hoạt kinh tế, chính trị, quân sự ... của quốc gia mình lên triều đình Trung Hoa. Nhà Thanh cũng toan tính áp đặt qui luật thiên tử chư hầu với các quốc gia Tây Phương nhưng không thành công vì tương quan lực lượng ngày càng yếu kém.

Chính sách chinh phục ngoại phiên của nhà Thanh bao gồm ba phương thức:

- Dùng tôn giáo để cai trị: Đối với các quốc gia có mẫu số chung về tôn giáo như Mông Cổ, Tây Tạng, nhà Thanh cố đưa mình lên vai trò giáo tông, đồng thời điều động binh lực trấn áp. Ở các triều đại trước, triều đình Trung Hoa cũng lập ra những chức vụ tôn giáo như quốc sư (Nguyên), pháp vương (Minh) nhưng đến đời Thanh thì nhà vua coi như một thứ Phật sống, đứng trên những nhà lãnh đạo tôn giáo địa phương như Đạt Lai Lạt ma, Ban Thiền Lạt ma, Hồ Đồ Khắc Đồ ... Ngay tại kinh đô và các thị trấn lớn, nhà Thanh cũng cho xây dựng giáo đường, thánh đường, cung điện ... cho người Hồi, Mông và Tạng đến lễ bái.

- Dùng hôn nhân để ràng buộc: Hôn nhân cũng là một cách tạo liên hệ giữa Thanh triều và các phiên vương dị tộc. Mặc dầu qui định Mãn Hán không được thông hôn nhưng các vua nhà Thanh vẫn thường gả các công chúa và tông nữ cho ngoại phiên nhất là người Mông Cổ. Việc vua Quang Trung (về sau) cầu hôn nhà Thanh không phải là một thái độ thách thức như nhiều người lầm tưởng mà chính là khẳng định sự hòa hiếu, tạo ràng buộc để ông thực hiện cái mộng chinh phục phương Nam và phương Tây, cũng là một giao ước rằng ông sẽ không ám trợ các nhóm nổi dậy chống lại nhà Thanh như Thiên Địa Hội hay Bạch Liên Giáo, nhất là các sắc dân thiểu số vùng tây nam Trung Hoa khi đó là một đe dọa lớn cho Thanh triều.
- Chia để trị: Nhà Thanh thường tìm đủ mọi cách để chia các phiên thuộc thành nhiều nước nhỏ, làm thế giằng co lẫn nhau. Đối với các vùng đã sáp nhập vào lãnh thổ của họ như Tây Tạng, Tân Cương, Mông Cổ thì bị chia thành nhiều bộ phận, mỗi bộ phận lại chia thành nhiều nhóm, dùng chính người địa phương cai trị gọi là chế độ “*thổ tị*” gọi là cải thổ qui lưu (改土歸流). Chính sách đó khiến cho các phiên thuộc bị suy yếu, luôn luôn lệ thuộc vào nhà Thanh không thể nào vùng lên được.

Ngoài ra triều đình Trung Hoa cũng dùng thương mại như một điều kiện phục tòng và sau đó phải mang sản vật tới Bắc Kinh triều cống. Fairbank nhấn mạnh tương quan giữa hoàng đế và phiên vương như tương quan cá nhân, việc phong hiệu không khác gì một hình thức phong kiến thế tập.⁶ Riêng Thanh triều, các phiên vương ngoài sắc ấn còn được ban cho một phẩm trật, lịch nhà Thanh để sử dụng và mỗi quốc gia lại được xếp loại theo lễ nghi khác nhau khi yết kiến hoàng đế. Qui định về thời hạn tiến cống phẩm vật cũng khác nhau, có nước một năm bốn lần (Triều Tiên), có nước ba năm một lần (Xiêm La), hai năm một lần (An Nam) hay có khi mười năm một lần (Ai Lao) ... Tuy nhiên vai trò và vị thế của mỗi nước cũng được thay đổi luôn cho phù hợp với thực trạng, điển hình là đời Lê và đời Tây Sơn nước ta hoàn toàn khác biệt. Trong bức tranh *Vạn Di Cống Sứ Đồ* đời Thanh (1761), sứ bộ nước Nam chỉ có bốn người lẫn lộn trong hàng chục quốc gia khác bao gồm Hà Lan, Brunei ... Riêng Xiêm La là một phái đoàn hùng hậu đem cống hai con voi lớn và nhiều phẩm vật.

Năm Càn Long thứ 55 (1790), vua Quang Trung thay vì chỉ cử một sứ bộ sang triều cống và chiêm cận hoàng đế lại đích thân cầm đầu phái đoàn sang chúc thọ nên Đại Việt được tiếp đãi hết sức trọng thể, có thể nói là chuyến đi độc nhất vô nhị trong suốt đời Thanh.⁷

Ý thức được tương quan cần thiết của nước ta với Thanh đình, vua Quang Trung đã đề ra một chính sách ngoại giao hoàn toàn mới, dùng thế dựa vào Trung Hoa như một màn khói để xây dựng thực lực, tập trung đối phó với mối đe dọa cụ thể từ các quốc gia Tây phương và một số lân bang. Phái đoàn của Nguyễn Huệ cũng nhân dịp sang Bắc Kinh để tìm hiểu thực lực nước Tàu, quan sát và học hỏi về kẻ đại cường địch để đưa ra một chiến lược phát triển cho thích hợp. Chúng ta không thể không đặt câu hỏi khi người

tháp tùng vua Quang Trung là Ngô Văn Sở, viên đại tướng và chiến lược gia số một của Tây Sơn.

NHỮNG MÓN QUÀ CỦA VUA THANH

Việc truy tầm lại những món quà của nhà Thanh trao tặng cho phái bộ Đại Việt trong hai năm 1789, 1790 không dễ dàng. Sử nước ta chép tương đối ít, không đầy đủ vì chỉ có thể dựa theo một số thư từ qua lại hay thơ văn của những tông viên mà không có những kê khai chi tiết. Trong khi đó, tài liệu của nhà Thanh chi tiết và rành rẽ hơn nhưng chúng ta lại chưa có điều kiện để khai thác một cách qui mô có hệ thống. Chính vì thế chúng tôi chỉ có thể tổng hợp một số tài liệu rải rác có trong tay bao gồm nghiên cứu của Hoa Bằng trong *Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc 1788 – 1792* (Saigon: Thư Lâm ấn thư quán, 1958 tái bản), *Đại Việt quốc thư*, bản dịch của Đình Thụ Hoàng Văn Hoè (Saigon: Trung Tâm Học Liệu, Bộ Giáo Dục, 1973), Trang Cát Phát (莊吉發) trong *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (清高宗十全武功研究) (Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1987) và một số nghiên cứu về cổ ngoạn có đề cập đến các chuyến đi sứ của nước ta đăng trong *Cổ Cung Văn Vật Nguyệt San* (Đài Bắc). Những chi tiết đó khi được đặt trong bối cảnh nhà Thanh cách đây hơn 200 năm cũng soi sáng phần nào chính sách của Trung Hoa và tư thế của Đại Việt, đồng thời hiệu đính lại một số chi tiết mà người đi trước vô tình sơ xuất.

Ngoài ra, theo điển lệ nhà Thanh, mỗi món quà, tùy theo chất loại và màu sắc có thể xác định đối tượng được ban thưởng. Trước đây, sử nước ta không đánh giá chính xác những món quà này nên chỉ coi như những món đồ tầm thường. Thực ra nếu có những nghiên cứu cụ thể, so sánh, đối chiếu với từng thời kỳ, chúng ta có thể đo lường được tầm vóc quan trọng của nước ta nói chung và quốc vương nói riêng một cách rõ rệt.

a/ Phái bộ Nguyễn Quang Hiển

Theo sử sách, sau khi chấp thuận phong vương cho Nguyễn Huệ làm An Nam quốc vương, ngay từ trung tuần tháng 5 năm 1789, vua Cao Tông đã bằng lòng cho phái bộ Nguyễn Quang Hiển sang Yên Kinh nhận sắc, ấn. Ngoài ra vua Càn Long còn ban cho vua Quang Trung một chuỗi ngọc trai.⁸ Đến khi phái đoàn đã triều kiến vua Thanh lại đặc biệt ban thưởng cho vua Quang Trung tượng Quan Âm bằng ngọc, cây như ý bằng ngọc, gấm thêu chỉ vàng đính hạt châu ...



Còn Nguyễn Quang Hiển cũng được ban thưởng ngọc như ý, tượng la hán bằng sứ, gấm thêu chỉ vàng, hộp bằng bạc ... Các phó sứ, hành nhân cũng đều được ban thưởng tùy cấp bậc các món gấm vóc, hộp bạc hay ngân lượng.⁹ Theo Từ Diên Húc (徐延旭) trong *Việt Nam tập lược* (越南輯略), bản in lần thứ hai, trang 42 thì những vật dụng ban thưởng cho phái bộ An Nam ghi rõ như sau:

Năm Càn Long thứ 54, vua An Nam sai chánh phó sứ ba người vào triều cống ở Nhiệt Hà, (vua Cao Tông) đặc biệt ban cho quốc vương 5 lần:

- Lần thứ nhất: ngọc như ý, ngọc quan âm, chuỗi châu thủy tinh màu xanh lục, bình thủy tinh, bình bằng sứ màu đỏ mỗi thứ một cái, hai cái hộp tết bằng chỉ bạc, gấm đoạn 3 tấm, ba cuộn giấy hoa tiên.
- Lần thứ hai: gấm thêu rồng (mãng - 蟒), thiểm đoạn (gấm lấp lánh), trang đoạn (gấm may áo mặc hàng ngày), mỗi thứ hai tấm.
- Lần thứ ba: Bốn lọ trà Trịnh Trách, bảy bánh trà Phổ Nhĩ (trà Vân Nam đóng lại thành bánh), hai hộp trà cao, hai bình thuốc ngủ (tị yên bình, thường làm bằng ngọc ngà, đá quý), một mâm phật thủ (có lẽ đây là một loại điêu khắc theo hình mâm hoa quả chứ không phải trái phật thủ thật).
- Lần thứ tư: Ngọc như ý, tị yên hồ, chén bằng gỗ mun (mộc tất oản), một cái chén của Âu Châu (Pháp Lang oản), gấm thêu hoa, bao súc nhung đất Chương.

Lần thứ năm: Bát lớn bằng sứ, mâm sứ, đĩa mun, chén, lò hương hai cái, một con dao nhỏ.

b/ **Phái bộ vua Quang Trung**

Năm sau, nhân lễ bát tuần thượng thọ của vua Cao Tông, vua Quang Trung đích thân dẫn một phái đoàn hùng hậu sang dự. Ngay khi vừa xuất quan, vua Càn Long đã gửi nhiều món đến ban thưởng trong đó Nguyễn Quang Thùy được:

- một đôi ngựa dụng hà bao lớn
- hai đôi hà bao nhỏ
- bốn hộp hương khí
- một cây như ý¹⁰

Ngoài những vật dụng hàng ngày vua Thanh thường cho dịch trạm chạy đến ban thưởng, vua Thanh cũng tặng cho vua nước ta những món sau đây:

- một đôi ngựa dụng hà bao lớn
- ba đôi hà bao nhỏ
- sáu hộp hương khí

Trước đây, theo tục nước Nam, vua Quang Trung đeo dây lưng màu đỏ, vua Thanh ban thưởng cho triều phục nhà Thanh, đặc biệt có hoàng kim thính đới màu vàng nhưng đi đường vẫn mặc theo quần áo nước ta, chỉ khi vào triều cận mới dùng lễ phục nhà Thanh. Vua Thanh cũng gửi cho vua nước ta một cuốn thơ mới in, khắc mộc bản có tên là Thạch Cổ thi tự.¹¹

Sau khi gặp vua Càn Long hai người làm lễ “*bảo kiến thỉnh an*” (抱見請安), sau đó vua Thanh tặng vua ta thơ văn, lại thưởng cho rất nhiều món khí ngoạn bằng vàng ngọc, mũ miện, đai đeo, áo bào và ngựa.¹² Sử ghi rõ ngày 11 tháng 7 năm Càn Long 55 vua ta được ban những món sau đây:

- Mãng bào: năm cái
- Đai ngọc: một cái
- Ngựa: một con
- Cương màu vàng nạm vàng: một bộ

- Đai bằng vàng: một cái
- Mũ bằng vàng: năm cái
- Tượng Phật bằng ngọc: một pho
- Ngọc như ý: một cái
- Bình sứ: một cái
- Trà lá lớn nhỏ: năm bình
- Trà bánh: một cái
- Bình ngửi: hai cái
- Quạt: hai cái
- Ngự thi: một bài
- Bạc: một vạn lượng

Đến ngày 17 tháng 7, lại thưởng thêm:

- Ngọc như ý: một cái
- Gấm: hai tấm
- Chương nhung: một tấm
- Lụa mỏng (lăng): ba tấm
- Bình Âu Tây: hai cái
- Đĩa Âu Tây: một cái
- Đĩa gỗ mun: một cái
- Bình ngửi: một cái

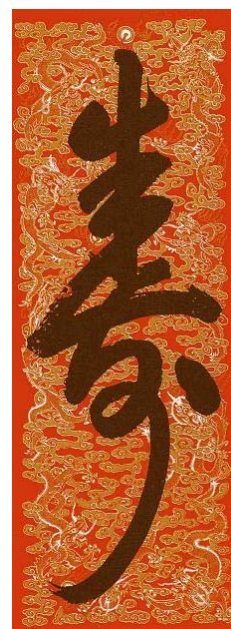


Sáu người bồi thần nước ta mỗi người một tấm gấm đoạn, chương nhung một tấm, lụa hai tấm, chén mun một cái, bình ngửi một cái, đồ đánh lửa một bộ.¹³

Theo sử nước ta, khi vua Quang Trung dự lễ Bát Tuần Vạn Thọ xong từ biệt ra về, vua Cao Tông đặc biệt viết hai chữ Phúc và Thọ ban cho để đem về nước mừng xuân. Từ năm vua Càn Long 70 tuổi, ông cho khắc một số ấn chương Cổ Hi Thiên Tử (古稀天子) để đóng lên những bức thiếp. Mỗi năm, nhà vua thường ngồi trong Sáu Phương Trai (漱芳齋), dùng một cây bút do vua Khang

Hi để lại có tên là Tứ Phúc Thương Sinh (賜福蒼生) viết hai chữ Phúc và Thọ để cho vương công, đại thần. Vào thời gian vua Quang Trung sang Tàu được ban chữ Phúc này, trên thường có đóng dấu Ngũ Phúc Ngũ Đại Đường Cổ Hi Thiên Tử Bảo (五福五代堂古稀天子寶) ở góc phải như bức thiếp viết năm Càn Long thứ 52 (1787) kèm theo đây.

Ngoài ra, vua Càn Long còn tặng cho vua Quang Trung bốn chữ *Củng Cực Quy Thành* (拱極歸誠) và đôi câu đối:



祝嘏效尊親，永矢丹忱知弗替。

觀光膺寵錫，載稽青史未前聞。

Chúc hỷ hiệu tôn thân, vĩnh thử đan thâm tri phát thế

Cận quang ưng sủng tích, tái kê thanh sử vị tiền văn

Thêm vào đó, vua Cao Tông cũng thân bút tặng vua Quang Trung một bài ngự thi, vua Quang Trung có sai Phan Huy Ích làm thơ hoạ lại.

NHỮNG MÓN QUÀ ĐÓ LÀ GÌ?

Triều đình phong kiến cuối cùng của Trung Hoa cũng thiết lập nên một cơ chế đầy lễ nghi và điển lệ, làm mẫu cho nhiều tiểu quốc, trong đó có cả Việt Nam chúng ta mà người Tàu thường đánh giá những quốc gia theo mức độ “bất chước” để xếp loại cấp bậc văn minh.

Những món quà đó, một phần là đồ dùng hàng ngày, có khi là vật tùy thân của người quan ngoại, có khi là những biểu tượng tôn giáo, lễ nghi. Chính vì thế, việc tìm hiểu về sinh hoạt của người Mãn Châu sẽ cho chúng ta những tia sáng về thân tình và sự quan thiết của Thanh triều với phái bộ nước Nam. Rải rác trong những lần ban thưởng, chúng ta thấy cả đồ đánh lửa, con dao nhỏ, bình ngửi, túi đựng hương liệu (hà bao), chén đĩa ... tất cả đều là những vật dụng thường nhật. Những món quà đó có vẻ vụn vặt theo lối nhìn đầy nghi lễ của người Âu Châu, và cũng không được những nhà nghiên cứu quan tâm đúng mức. Tuy nhiên, ở một góc cạnh khác, xuyên qua một số tặng phẩm và đối chiếu với những qui luật chặt chẽ của họ, chúng ta có thể hình dung ra sự mật thiết của hai triều đình và đánh giá lại một số tương quan ngoại giao giữa nhà Thanh và nhà Tây Sơn. Những món quà nho nhỏ chỉ là tặng vật để tỏ tình quý mến nhưng cũng mang một thông điệp chứa những ý nghĩa quan trọng, đồng thời cũng là một thử thách để xem nước ta ứng xử thế nào với cung cách đối đãi của nhà Thanh.

*

* *

Măng bào: (蟒袍) Măng bào có thể coi như một phó bản của long bào (áo của nhà vua) vì mọi văn sức, trang trí trên măng bào giống hệt như long bào, chỉ khác đôi chút về màu sắc. Măng bào là một loại lễ phục của thân vương, đại thần phải mặc khi vào triều kiến, dự tiệc hay những kỳ đại lễ (riêng sinh nhật của nhà vua thì phải mặc năm ngày trước và bốn ngày sau, tổng cộng mười ngày gọi là “hoa y kỳ” (花衣期), nếu ai không mặc sẽ bị tội đại bất kính và bị trị tội). Sở dĩ phân biệt thành long bào và măng bào vì chỉ có vua mới được dùng chữ long



(long nhan, long sàng, long thể ...), người khác phải dùng chữ măng. Măng cũng là rồng, theo sách vở thì chỉ có bốn móng thay vì năm móng mặc dầu sự khác biệt đó sau này không còn đúng nữa.

Theo Đại Thanh hội điển thì măng bào có bốn cấp:

- Thân vương, quận vương, quang lộc đại phu, liên uy tướng quân, vinh lộc đại phu, chấn uy tướng quân (nói chung văn võ nhất và nhị phẩm), trừ những người được đặc biệt ban cho măng bào màu kim hoàng, măng bào tất cả đều màu lam (xanh đậm) hay màu xanh đá (thạch thanh). Măng bào thêu chín con rồng bốn móng, trừ người được đặc biệt ban cho rồng năm móng. Chín con rồng là ba con đằng trước, ba con đằng sau, hai con trên hai vai và một con lẩn đằng trong vạt áo.
- Bồi lạc, bồi tử, phụng quốc tướng quân, văn võ tam phẩm, nhất đẳng thị vệ thì măng bào màu xanh đá, màu lam thêu chín con rồng bốn móng.
- Phụng ân tướng quân, văn võ từ tứ phẩm đến lục phẩm, nhị đẳng thị vệ thêu tám con rồng bốn móng.
- Văn võ từ thất phẩm đến cửu phẩm, trên áo chỉ được thêu năm con rồng bốn móng.

Vạt áo là dấu hiệu để phân nội ngoại, thân sơ, tông thất thì xẻ bốn chỗ, còn người không phải trong hoàng tộc chỉ được xẻ hai chỗ.¹⁴

Măng bào ban cho vua Quang Trung, lúc đầu theo bậc thân vương màu xanh lam nhưng sau khi triều kiến được đặc tứ màu kim hoàng, ngang hàng với những hoàng tử con ruột vua Cao Tông.

Măng bào thường kèm theo một số trang phục khác tương đương cho đủ bộ. Những y phục phụ đó vua Quang Trung được ban gồm có:

- Triều đai (朝帶) tức đai mặc cùng với triều phục. Theo tục Mãn Thanh, con trai thành niên khi mặc áo phải thắt đai cốt để khi cưỡi ngựa không bị lụng thụng, vướng víu, dễ cử động và phát lực thêm mạnh mẽ khi bắn cung. Sợi dây đai đó trở thành một bộ phận trong triều phục nhà Thanh, biến thành một thứ đẳng cấp. Các loại đai đẳng của các võ phái tân thời sau này cũng bắt chước tục nhà Thanh. Bên cạnh màu đai, các qui định về đai khấu (khóa thắt lưng), các loại ngọc đính vào lại chi li hơn nữa. Nhà Thanh chia ra các loại kim đai, ngọc đai, tê đai, ngân đai, du thạch đai, đồng thiết đai ... Kim đai ban dĩ nhiên không phải làm bằng vàng nhưng có thêu bằng chỉ vàng, hình dạng cũng tùy theo quan chức cao thấp.



Đai của hoàng đế màu vàng có hai loại tùy theo hình thù tròn hay vuông, khảm loại bảo thạch gì, bao nhiêu viên. Đai của vua Càn Long ban cho vua Quang Trung là kim hoàng thính đai theo cấp thân vương ắt là loại thêu kim long hình tròn, khảm hồng bảo thạch.

- Đai câu: (帶鉤) là cái khóa để thắt đai nhưng được chế tạo như một món trang sức và cũng để phân biệt cao hạ. Vật liệu chế tạo cũng nhiều loại bằng ngọc, ngà hay vàng bạc, đồng sắt ...
- Yêu đai: (腰帶) chính là cái thắt lưng, thường bằng da hay dệt bằng tơ. Nhà Thanh vốn dân du mục, thiện cưỡi ngựa nên dây đai cũng là chỗ để buộc thêm những món đồ dùng tối cần thiết chẳng hạn như bộ đánh lửa, con dao, bình gửi, bao đựng hương liệu (về sau biến thành hà bao là một loại trang sức) ... Các dân tộc quan ngoại sinh sống bằng nghề săn bắn, hái lượm, lâm nghiệp ... nên thường phải di chuyển luôn, lắm khi xa nhà nhiều ngày nên có thói quen dùng dây lưng để gài vật dụng lặt vặt khi đi ngựa. Nhà Thanh cố gắng duy trì một số truyền thống riêng nên vẫn dùng các vật dụng nhỏ nhỏ đó để ban thưởng cho phiên thuộc mặc dầu ý nghĩa nguyên thủy không còn nữa. Nhiều người rất ngạc nhiên khi không tìm ra những món đồ này liên quan thế nào đến công tác ngoại giao.
- Cương ngựa màu vàng: Cũng như dây lưng, dây cương có thể làm bằng da hay dệt bằng tơ, thêu vàng là một biểu tượng của bậc thân vương. Trong những tranh vẽ đời Càn Long, nhất là khi nhà vua săn bắn, chúng ta có thể phân biệt được vai trò của kỵ sĩ bằng màu của dây cương.
- Mũ đôi đầu: Người Trung Hoa phân biệt cân (巾) là vải the may lại thành mũ hình vuông, nếu hình tròn thì gọi là mạo (帽), nếu như quét sơn lên thì gọi là quan (冠)¹⁵ Riêng với triều phục và nhung phục, nhà Thanh cũng có những qui luật chặt chẽ về chóp mũ từng phẩm trật tùy theo khi mặc triều phục (mặc vào chầu) hay bổ phục (mặc khi làm việc) mà có những qui định khác nhau.



Triều quan (mặc với triều phục) của người trong hoàng tộc

Phẩm trật	Số tầng	Số rồng	Số hạt châu	Bảo thạch
Hoàng đế	3	12	13	Trân châu
Thái tử	3	12	13	Đông châu
Hoàng tử	2	4	10	Hồng ngọc

Thân vương	2	4	10	Hồng ngọc
Con của thân vương	2	2	9	Hồng ngọc
Quận vương	2	2	8	Hồng ngọc
Bồi lạc	2	2	7	Hồng ngọc
Bồi tử	2	2	6	Hồng ngọc
Nhất đẳng công	2	2	5	Hồng ngọc
Nhị đẳng công	2	2	4	Hồng ngọc

Triều quan (mặc với triều phục) của các quan

Phẩm trật	Bảo thạch	Trang trí phụ
Nhất phẩm	Hồng ngọc	Trân châu
Nhị phẩm	San hô	Đỏ
Tam phẩm	Lam ngọc	Xanh
Tứ phẩm	Lapis lazuli	Xanh
Ngũ phẩm	Thủy tinh	Xanh
Lục phẩm	Bạch ngọc	Thủy tinh
Thất phẩm	Vàng	Thủy tinh
Bát phẩm	Nạm vàng	Thủy tinh
Cửu phẩm	Nạm bạc	Thủy tinh

(tài liệu trích trong *A Collector's Guide to Chinese Dress Accessories* của Valery M. Garrett tr. 62)

- **Lông công:** Lông công chia làm bốn loại, loại ba mắt, hai mắt, một mắt và không có mắt nào. Lông công không phải ai cũng có quyền cài lên mũ mà chỉ những ai lập được chiến công rực rỡ mới được nhà vua ân tứ như một loại huy chương tuy rằng nhiều người vẫn có thể tìm cách mua chuộc mà có được. Theo Hoàng Triều Lễ Khí Đồ Thức (皇朝禮器圖式) thì các loại lông công chia ra như sau:

Lông công ba mắt (tam nhãn hoa linh - 三眼花翎) là loại quý nhất chỉ dành riêng cho thân vương, quận vương và bồi lạc.

Lông công hai mắt (song nhãn hoa linh - 雙眼花翎)
dành cho các tôn thất nhưng cấp bậc thấp hơn hay
giới quý tộc Mãn Châu

Lông công một mắt (đơn nhãn hoa linh - 單眼花翎)
dành cho quý tộc Mãn châu và các quan người Hán
xuống tới lục phẩm.

Những người dưới nữa không được quyền có mũ
lông công nhưng có thể được ban thưởng lam linh
(藍翎) là loại lông màu xanh không có mắt. Võ quan
cũng có thể được ban thưởng điều vĩ, một loại đuôi chồn giả làm thành hình chữ
V tỏa ra hai bên lông công.



Theo sử chép, vua Quang Trung được ban thưởng mũ có chóp bằng hồng bảo thạch và
lông công ba mắt là phục sức cao cấp nhất đời nhà Thanh chỉ đứng sau hoàng đế và
hoàng thái tử, ngang hàng thân vương.

Bổ phục: (補服) là loại áo của các quan mặc khi làm việc, trước ngực vào sau lưng có
một dấu hiệu thêu vuông (người ngoài hoàng tộc) hay tròn (người trong hoàng tộc) gọi
là bổ tử (補子). Tùy theo hình dạng thêu trên tấm “bổ” này mà phân định quan tước.
Theo điển lệ, chỉ có vua và người trong hoàng tộc mới được quyền dùng bổ tử hình
tròn, các quan dùng bổ tử hình vuông, thêu đăng trước và sau lưng áo. Thanh Sử Cảo,
Dư Phục Chí qui định như sau:

Phẩm trật	Văn quan	Võ quan
Nhất phẩm	Hạc	Kỳ lân
Nhị phẩm	Cầm kê (trĩ)	Sư tử
Tam phẩm	Công	Báo
Tứ phẩm	Nhạn	Hổ
Ngũ phẩm	Bạch nhàn (gà lôi)	Gấu
Lục phẩm	Cò	Bưù (hổ con)
Thất phẩm	Vịt	Tê ngưu
Bát phẩm	Cút	Tê ngưu
Cửu phẩm	Sẻ	Hải mã

Theo qui định của nhà Thanh, vua Quang Trung ngang hàng thân vương, nhất phẩm sẽ mặc bổ phục thêu con hạc. Ngô Văn Sở được phong nhị phẩm, thêu sư tử. Những quan văn võ khác tam phẩm sẽ thêu con công hay con báo.

Hoàng mã quải: (黃馬褂) Mã quải (quái) là loại áo ngắn rất thông dụng thời Thanh.



Áo này cổ thấp, hai vạt bằng nhau, thường mặc bên ngoài áo dài, vốn là áo của kỵ sĩ cho nên mới gọi là mã quải và chỉ có một số ít võ quan chỉ huy cao cấp được quyền mặc. Theo điển lệ nhà Thanh những ai được ân tứ hoàng mã quải là một vinh dự lớn cũng như một tấm huy chương để tuyên dương võ công.

Trong lịch sử Trung Hoa, người ngoại quốc được ban cho hoàng mã quải rất hiếm trong đó có vua Quang Trung, Prosper Giquel là



người đã xây dựng nhà máy chế tạo vũ khí (arsenal) ở Phúc Châu và tướng Charles Gordon, người góp phần đánh bại quân Thái Bình Thiên Quốc. Theo chính lời Gordon ghi nhận thì khi mới lập nên triều đại nhà Thanh, vua Mãn Châu sợ người Hán ám sát nên lập một đội quân gồm 40 cận vệ, tất cả đều khoác áo vàng để sát thủ không thể nhận ra hoàng đế. Trong triều đình không thể có hơn 40 người được ban cho quyền mặc áo màu vàng.¹⁶

Như ý: (如意) là một vật điêu khắc cong queo mà có người cho rằng nguyên thủy là một dụng cụ để gãi lưng của những nhà sư có cái tên tiếng Phạn là A Na Luật (阿那律) nhưng dần dần công dụng cũng như ý nghĩa đổi hẳn.¹⁷ Thời xưa, khi các cao tăng đang đàn thuyết pháp thường cầm trong tay gậy như ý, trên có chép những đoạn kinh khó để phòng trường hợp quên thì nhìn vào đó mà nhớ lại. Thời xưa gậy như ý khá dài (3 thước Tàu, chừng 90 cm), nhưng về sau chỉ còn độ 1, 2 thước (30 đến 60cm). Khi dịch ra tiếng Anh người ta dùng chữ *scepter* là cây gậy vốn được dùng để tượng trưng cho quyền lực (a staff or baton borne by a sovereign as an emblem of authority) nhưng thực ra khối ngọc gọi là như ý kia đối với người Trung Hoa chỉ hàm nghĩa chúc tụng. Như ý thường được tạc bằng gỗ quý hay bằng ngọc, một đầu cong lên thành hình nắm linh chi và trên thân có khi khắc những biểu tượng tôn giáo, nếu đi kèm với giấy bút hay tiền bạc thì lại nhấn mạnh vào sự thành công trong nghề nghiệp, học vấn, thăng quan tiến chức.



Như ý cũng còn là một biểu tượng của Phật giáo để soi đường dẫn lối, bảo hộ chúng sinh tương tự như kim cương chữ (vajra). Nhiều cổ tự như chữ khuê (圭), chương (璋) cũng

được dùng để chỉ ngọc như ý, tượng trưng cho nam tính, tương đương như ngoã (瓦) tượng trưng cho nữ tính. Có người cho rằng như ý nguyên thủy phát sinh từ tập tục thờ sinh thực khí (phallic worship).¹⁸

Trước đây, cây gậy như ý thường được làm quà mừng cho cô dâu chú rể trong ngày cưới. Ngoài nghĩa bình thường là chúc cho hai vợ chồng muốn gì được nấy cũng có thể mang một ý nghĩa kín đáo khác. Người tình của Võ Tắc Thiên vốn nổi danh về khả năng phục vụ đã từng được mệnh danh là Như Ý Quân. Như ý cũng thường được vẽ trong tranh, trong tay đồng tử hay tiên nữ, kết hợp với những hình tượng tốt đẹp khác như trái đào, trái hồng hay hoa mai để thành những ý nghĩa rộng rãi hơn.¹⁹

Đối chiếu với những quốc gia khác, chúng ta thấy nhà Thanh sử dụng ngọc như ý như một biểu tượng, ngoài ý nghĩa chúc tụng còn là một tặng phẩm để xếp loại đối tượng để nếu ai tình ý có thể khuôn xử cho đúng phép.

Triều châu: (朝珠) Triều châu chính là chuỗi tràng hạt (rosary), nguyên thủy phát xuất từ Phật giáo dùng để đếm khi người ta tụng niệm về sau biến thành một phụ tùng đi kèm với triều phục. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng tục đeo triều châu bắt nguồn từ đời vua Thuận Trị, vốn là một người sùng đạo. Triều châu bao gồm 108 hạt chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm 27 hạt phân bởi 4 hạt to hơn (Phật đầu). Một trong những đầu Phật đó có gắn một cái giải, trên giải có một phiến bảo thạch. Hai bên của triều châu có gắn hai sợi ngắn hơn, mỗi bên 10 hạt.



Chỉ quan lại từ ngũ phẩm (võ quan phải tứ phẩm) trở lên mặc triều phục mới được đeo triều châu, mỗi phẩm trật là một loại vật liệu riêng. Những quan chức thấp hơn chỉ được đeo khi ở vào những trường hợp đặc biệt.

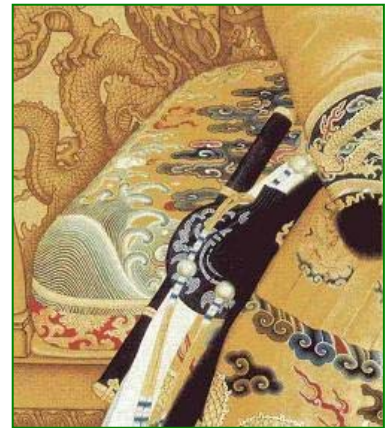
Hoàng đế đeo triều châu gồm 108 viên ngọc trai, bốn đầu Phật làm bằng san hô. Những dây phụ tùng gắn ngọc xanh, còn phiến bảo thạch thì là đá mắt mèo.

Hoàng thái tử đeo triều châu bằng đá quý nhưng không được dùng ngọc trai, các hoàng tử đeo triều châu bằng hổ phách, dây màu kim hoàng. Dưới nữa thì chỉ được đeo triều châu dây màu xanh thẫm, hạt bằng đá hay thủy tinh. Vua Quang Trung được ban một chuỗi triều châu, ắt phải là loại bằng hổ phách, dây màu kim hoàng.

Thủ xuyên: (手串) Thủ xuyên trước đây vẫn bị hiểu lầm là vòng đeo tay. Thực ra tuy tên gọi thủ xuyên nhưng vòng này lại được đeo trên ngực (đàn ông) hay ở bầu áo (đàn bà). Vòng này thường là 18 hạt nên cũng còn gọi là thập bát tử, là một loại trang sức. Có khi người ta dùng trầm hương (gia nam - 茄南) tiện thành, gọi là hương xuyên.

Hà bao: (荷包) là một cái túi nhỏ theo hình thủy vân, rồng, hoa ... hình dáng như hạt đậu (kidney-shaped purse), miệng thắt bằng dây đeo tại dây lưng dùng để cất những vật dụng nhỏ, có khi bảo thạch, vàng bạc, hương liệu ... Hà bao cũng là một phụ tùng y phục của người Mãn Châu nguyên thủy dùng để đựng đồ đánh lửa nay được dùng như một tặng phẩm. Theo điển lệ thì hà bao phải gồm một đôi đeo hai bên người và các vua nhà Thanh dùng để đựng trầu cau.²⁰ Người Trung Hoa trước đây không có túi may liền trên áo nên họ phải dùng những bao nhỏ này để đựng vật dụng. Những món không quan trọng lắm thường để trong tay áo, trên riềm mũ, vành khăn, có khi gài vào tai. Tiền bạc, bảo thạch ... thì họ đeo vào dây lưng.²¹ Ngoài ra họ cũng buộc vào dây lưng địa bàn (compass), dao nhỏ ... Khi đã từ bỏ đời sống du mục, những món đồ này được thay thế bằng cái quạt hay bao đựng kính mắt.

Dao nhỏ: Đúng lý ra con dao không thể kể vào trong những tặng vật ngoại giao nhưng việc ban cho vua Quang Trung một con dao lại có ý nghĩa đặc biệt. Dao nhỏ vốn dĩ là một đồ dùng của dân du mục, luôn luôn sẵn sàng để cất đồ ăn vì người quan ngoại thường sẵn bắt dã thú khi đi hành, nướng chín rồi chia nhau ăn. Việc mỗi người có một con dao để dùng trở thành thiết yếu. Vua Càn Long đã cho dựng một tấm bia ngay trước tiền đình (sân tập bắn) trên đó ghi một bài văn ngự bút nhấn mạnh về sự quan trọng của thuật bắn cung và mặc quần áo theo lối người Mãn Châu, vốn dĩ hình thành do tập quán sinh hoạt. Bất cứ ai cũng phải mang theo dao nhỏ để cắt thịt ăn trong bữa tiệc chứ không được phép để đầu bếp cắt sẵn theo kiểu người Trung Hoa.²²



Các vua nhà Thanh cũng truyền lại cho con cháu phải đeo theo cung tên, mang theo dao nhỏ để duy trì tập tục của người Mãn Châu. Họ cũng luôn luôn phải đi giày vì đó là một vấn đề sinh tử của dân chúng vùng mạt bắc và nhiều kiểu y phục (thắt đai chặt, tay áo chặt, giày đế cứng ...) đã trở thành điển lệ. Việc tuân theo những định chế đó trên một số mặt mang tính duy trì truyền thống nhưng lại cũng bất lợi khi chiến đấu ở những vùng viêm nhiệt mà địch quân là những người cỡi trần, đóng khố, đi chân đất ở phương Nam.²³

Ti yên hồ: (鼻煙壺) là một loại bình nhỏ, trong chứa dược liệu để ngửi thay cho thuốc hút. Theo các nhà nghiên cứu, việc sử dụng bình thuốc ngửi thay thế cho việc hút thuốc trở thành thông dụng chính là vì một đạo dụ năm 1639 từ trước khi người Mãn Châu làm chủ Trung Hoa. Đến đời Khang Hi (làm vua từ 1662 đến 1722) việc sản xuất bình ngửi trở nên phát đạt và hình dáng, phẩm chất cũng trở nên đa dạng.

Thoạt đầu bình ngửi được sản xuất tại Bắc Kinh nhưng về sau triều đình giao cho ba tỉnh Giang Ninh, Tô Châu, Hàng Châu



chuyên sản xuất cho cung vua những hàng nhật dụng, kể cả vải vóc, tị yên hồ, triều châu ... để cho hoàng đế dùng làm vật ban thưởng, số lượng xuất nhập và sổ sách giao cho Nội Vụ Phủ trông nom.

Các sứ thần khi đến triều cống thường được thưởng những chiếc bình nho nhỏ này. Loại bình được coi như quý giá nhất được tạc bằng ngọc (jade hay nephrite), thủy tinh, hay bằng sứ, được chế tạo thành từng bộ 10 cái đựng trong hộp.

Thủy tinh đời Thanh cũng đã là một kỹ nghệ độc đáo. Vua Khang Hi thành lập một xưởng đúc thủy tinh, dưới quyền giám sát của giáo sĩ Kilian Stumpfff giòng Jesuit, vốn là một kỹ sư lành nghề và khéo léo. Kỹ thuật đúc, pha màu và điêu khắc trên thủy tinh đã đạt một mức tinh thực dưới đời Thanh. Từ thủy tinh những nhà truyền giáo đem áp dụng những khám phá mới của họ – kể cả sở thích của người Trung Hoa, nhất là giai cấp quý tộc – sang lãnh vực tráng men kim loại và dưới sự chỉ đạo của họa sĩ lừng danh Castiglione (Lang Thế Ninh) và hai nhà truyền giáo khác là Attiret và Graveriau, kỹ thuật tráng men lên đồng và thủy tinh đã lên đến cao điểm vào đời Càn Long.

Lẽ dĩ nhiên người ta không bỏ qua những vật liệu thiên nhiên như ngà, mã não, gỗ sơn mài ... và tới cuối thế kỷ 18 thì việc dùng thuốc nhuộm trở thành một “mốt” của các nhà quyền quý. Một trong những nghệ thuật trang trí cái lọ nho nhỏ này được nhiều người ưa thích là việc dùng bút đưa vào cổ chai để vẽ bên trong bình. Bức vẽ đó có thể là một bức tranh nhỏ li ti hay khuôn mặt một danh nhân. Nghệ thuật này khởi thủy từ đầu thế kỷ 19 nhưng đạt đỉnh cao của nó vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20.

KẾT LUẬN

Trong khi các quốc gia Tây Phương tìm đường thông thương trên căn bản bình đẳng và lợi ích của hai bên, họ nhìn vào giá trị vật chất cụ thể trao qua đổi lại. Khi đưa phái đoàn Macartney sang Yên Kinh, người Anh đem theo nhiều sản phẩm kỹ thuật mới, kể cả một khẩu đại pháo bằng đồng, để làm quà tất cả trị giá đến 30,000 bảng Anh trong khi họ nhận lại chỉ là những vật dụng tũn mủn không giá trị gì.

Đối với người Âu Châu, những món quà của họ là biểu tượng của quốc gia và nền văn minh kỹ thuật trong khi đối với người Trung Hoa thì chính vua Càn Long lại là đại diện của một đế quốc, trên cả tinh thần lẫn vật chất, và một món quà nhỏ của ông – dù chỉ là một chữ viết thảo – cũng đã mang một ý nghĩa hết sức tôn quý rồi. Hai căn bản giá trị khác nhau, mỗi bên diễn dịch theo một cách đã khiến cho không thể nào chấp nhận được.

Trước đây, hầu như trong chúng ta không ai quan tâm đến những món quà mà nhà Thanh ban thưởng cho các phái bộ Đại Việt thời Tây Sơn, lại cũng không ai cất công “giải mã” để tìm hiểu vị trí đích thực của nó. Chính cái nhìn phiến diện đó đã khiến cho nhiều người đánh giá công tác ngoại giao thời cuối thế kỷ 18 một cách hời hợt và tương quan Hoa – Việt như trò múa hát trên một hí đài. Để tìm cho ra ý nghĩa đích thực của vấn đề chúng ta không phải chỉ tìm hiểu về danh xưng, công dụng mà phải nhìn cả vào cơ cấu tổ chức và nhất là triều nghi, lễ tục của Thanh đình.

Một trong những điểm chúng ta cũng lấy làm ngạc nhiên là trong nghi lễ ngoại giao, một mặt nhà Thanh muốn phô trương sự hào nhoáng, chi ly và phức tạp của văn minh Hán tộc, mặt khác lại vẫn muốn chứng tỏ rằng họ vẫn còn giữ được truyền thống hiếu dũng, thượng võ của tổ tiên. Việc đón tiếp và ban thưởng hậu hĩ cho phái đoàn Đại Việt đã nói lên sự nể vì của vua Càn Long đối với Nguyễn Huệ và dường như ông ta đã thấy hình ảnh oai hùng của tiền nhân hiển hiện nơi đối thủ trẻ tuổi này.

Duy trì và bảo tồn truyền thống cũng lại là những sợi dây tơ trời buộc cả dân tộc Trung Hoa khiến cho Thanh đình không thích ứng kịp với thay đổi, nhất là sự tiến bộ kỹ thuật mỗi lúc một nhanh. Trong thời bình chúng ta ít thấy được điều đó nhưng khi có biến động thì hậu quả của nó hiện ra rõ nét hơn mà cuộc chiến Việt Hoa là một chứng cứ. Nhược điểm chiến lược của nhà Thanh mấy năm sau Macartney đã so sánh đế quốc Trung Hoa như một *“chiếc tàu chiến cũ kỹ, khập khùng còn giữ được nổi lênh bênh nhờ có những thủy thủ và sĩ quan ưu tú”* (an old, crazy, first-rate man-of-war, which a fortunate succession of able and vigilant officers has contrived to keep afloat) nhưng rồi đây khi những nhân tài đó mất đi thì *“con tàu sẽ đập dềnh vô định cho tới khi vỡ tan tành dạt vào bờ”* (with lesser men and the helm, slowly drift until dashed to pieces on the shore).²⁴

Nhận xét đó có lẽ Nguyễn Huệ cũng đã cảm thấy và chính vì thế ông đã nỗ lực để cải cách đất nước theo chiều hướng đối nghịch với nhà Thanh, cố gắng giữ một tư thế độc lập về văn hóa và tiến hành những cải cách sâu rộng về quân sự và kinh tế mà chúng ta sẽ có dịp tìm hiểu sâu xa hơn.

10/2004

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cammann, Schuyler Cammann: *China's Dragon Robes* (Chicago: Art Media Resources, Ltd. 1952)
2. Dickinson, Gary & Linda Wrigglesworth: *Imperial Wardrobe* (Berkeley: Ten Speed Press, 2000)
3. Dương Kim Định (chủ biên): *Trung Quốc Văn Hoá Sử Đại Từ Điển* (Đài Bắc: Viễn Lưu xb, 1987)
4. Eberhard, Wolfram: *A Dictionary of Chinese Symbols – Hidden Symbols in Chinese Life and Thought* (London and New York: Routledge 2000)
5. Ebrey, Patricia B.: *Cambridge Illustrated History China* (New York: Cambridge University Press 1996)
6. Fairbank, John K. (ed.): *The Chinese World Order* (Mass.: Havard University Press, 2nd ed. 1970)
7. Garrett, Valery M.: *A Collector's Guide to Chinese Dress Accessories* (Singapore: Times Publishing Group, 2001)
8. Hevia, James L.: *Cherishing Men From Afar, Qing Guest Ritual and the Macartney Embassy of 1793* (North Carolina: Duke University Press, 2002)
9. Ho, Chuimei và Bennet Bronson: *Spendors of China's Forbidden City, The Glorious Reign of Emperor Qianlong*, Merrell, New York 2004
10. Hoa Bằng: *Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc 1788-1792*, (Saigon: Thư Lâm, 1958)
11. Hồ Bạch Thảo (dịch): *Cao Tông thực lục* (New Jersey, 2004)
12. Hưởng Tư (向斯): *Càn Long Dưỡng Sinh Lục* (乾隆養生錄) (Đài Bắc: Thực Học Xã, 2003)
13. Lưu Gia Câu (劉家駒): *Thanh Sử bính đồ* (清史拼圖) (Đài Loan: Viễn Lưu 2003 tr. 52)
14. Museum Boymans-van Beuningen Rotterdam: *De Verboden Stad* (The Forbidden City), 1990
15. *Đại Việt Quốc Thư* (bản dịch Hoàng Văn Hòe) (Saigon: Trung Tâm Học Liệu, Bộ Giáo Dục 1973, 2nd Ed.)
16. Nhạc Nam (岳南): *Nhật Mộ Đông Lăng – 2 vol.* (日暮東陵) (Đài Bắc: Viễn Lưu, 2000)

17. Nhiệm Kế Dũ (任繼愈) chủ biên: *Trung Quốc văn hoá đại điển* (中國文化大 典), (Sơn Tây: Sơn Tây giáo dục xuất bản xã, 1999)
18. Peyrefitte, Alain: *L'empire immobile ou Le Choc des mondes* (Paris: Librairie Arthème Fayard 1989) bản dịch của Jon Rothschild: *The Immobile Empire* (New York: Alfred A Knopf 1992)
19. Quốc Sử Quán triều Nguyễn: *Đại Nam Liệt Truyện* bản dịch của Ngô Hữu Tạo, Đỗ Mộng Khương, (Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Viện Sử Học) (Huế: nxb Thuận Hoá, 1997)
20. Quốc Sử Quán triều Nguyễn: *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* (bản dịch Hà Nội 1966)
21. Smith, Richard J.: *Chinese Maps* (New York: Oxford University Press, 1996)
22. Tang Lệ Hoà (臧勵穌) (chủ biên): *Trung Quốc Nhân Danh Đại Từ Điển* (中國人名大辭典) (Đài Bắc: Đài Loan thương vụ ấn thư quán, in lần thứ hai, 1979)
23. *Thanh Cung Yến Lạc Tàng Trân* (清宮宴樂藏珍): (Bắc Kinh: Bắc Kinh xuất bản xã 2002)
24. Trang Bá Hoà (莊伯和) : *Chinese Forms (Trung Quốc tạo hình -中國造型)* (Đài Bắc: Sinorama Magazine, 1994) *Ju-I Symbols*
25. Trang Cát Phát (莊吉發): *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (清高宗十全武功研究) (Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1987) (chụp lại bản của Đài Loan Cố Cung Tùng San, Giáp Chung số 26, tháng 6 năm 1982)
26. Vương Trí Mẫn (王智敏): *Long Bào* (龍袍) (Đài Bắc: Nghệ Thuật đồ thư công ty, 1999)
27. Williams, C.A.S.: *Outlines of Chinese Symbolism & Art Motives* (New York: Dover Publications, Inc., 1976)
28. Zhang, Hongxing: *The Qianlong Emperor: Treasures From The Forbidden City* (United Kingdom: National Museums of Scotland Publishing Limited 2002)

¹ Alain Peyrefitte: *L'empire immobile ou Le Choc des mondes* (Paris: Librairie Arthème Fayard 1989) bản dịch của Jon Rothschild: *The Immobile Empire* (New York: Alfred A Knopf 1992) tr. 226

² Alain Peyrefitte: sdd tr. 228-9

³ John K. Fairbank (ed.): *The Chinese World Order* (Mass.: Havard University Press, 2nd ed. 1970) A primilary framework, tr. 2

⁴ Richard J. Smith: *Chinese Maps* (New York: Oxford University Press, 1996) tr. 13-22

⁵ Vua Càn Long ngoài hai thứ tiếng căn bản là Hán và Mãn còn học thêm tiếng Mông Cổ (Càn Long thứ 8), Hồi Cương (Càn Long thứ 25), Tây Tạng (Càn Long thứ 41 và 45). Khi Ban Thiễn lạt ma thứ 6 đến Bắc Kinh và Thờa Đức năm 1780 ông dùng tiếng Tây Tạng để giao thiệp. Chuimei Ho và Bennet Bronson: *Spendors of China's Forbidden City, The Glorious Reign of Emperor Qianlong* (New York: Merrell, 2004) tr. 33

⁶ John K. Fairbank: sdd tr 7

⁷ Xem thêm *Bảo Kiến hay Bảo Tất* (Nguyễn Duy Chính)

⁸ *trân châu thủ xuyên nhất quải* - 珍珠手串一掛

⁹ Trang Cát Phát: *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (清高宗十全武功研究) (Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1987) tr. 393

¹⁰ Hoa Bằng: *Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc 1788-1792*, (Saigon: Thư Lâm, 1958) tr. 239

¹¹ Hoa Bằng: sdd tr. 240-1

¹² Trang Cát Phát: sdd tr. 402.

¹³ Cũng ngày hôm đó, chánh phó sứ Miến Điện và các đầu mục mười người, mỗi người được một lọ thuốc ngủi bằng sứ, sáu người từ trên xuống dưới của nước Nam Chưởng (vùng bắc Xiêm La) cũng mỗi người được một lọ ngủi bằng sứ. Trang Cát Phát: *Tì Yên Hồ đích điều dụng* (鼻煙壺的妙用) (Đài Bắc: *Cổ Cung Văn Vật Nguyệt San số 21 tháng 12 năm 1984* tr. 123

¹⁴ Vương Trí Mẫn (王智敏): *Long Bào* (龍袍) (Đài Bắc: Nghệ Thuật đồ thư công ty, 1999) tr. 95, 102

¹⁵ dĩ sa la bố cát phùng hợp, phương giả viết cân, viên giả viết mạo, gia dĩ tất chế viết quan

以紗羅布葛縫合，方者曰巾，圓者曰帽，加以漆製曰冠

¹⁶ Gary Dickinson & Linda Wrigglesworth: *Imperial Wardrobe* (Berkeley: Ten Speed Press, 2000) tr. 116

¹⁷ Trang Bá Hoà (莊伯和) : *Chinese Forms* (Trung Quốc tạo hình -中國造型) (Đài Bắc: Sinorama Magazine, 1994) *Ju-I Symbols*

¹⁸ C.A.S. Williams: *Outlines of Chinese Symbolism & Art Motives* (New York: Dover Publications, Inc. 1976) tr. 238-9

¹⁹ Wolfram Eberhard: *A Dictionary of Chinese Symbols – Hidden Symbols in Chinese Life and Thought* (London and New York: Routledge 2000) tr. 258-9

²⁰ Valery M. Garrett: *A Collecor's Guide to Chinese Dress Accessories* (Singapore: Times Publishing Group, 2001) tr. 111

²¹ Arthur H. Smith: *Chinese Characteristics* (New York: Fleming H. Revell Co. 1894, tr. 128) trích theo *A Collector's Guide to Chinese Dress Accessories* tr. 107

²² Chuimei Ho và Bennet Bronson: sđd tr. 30

²³ Xem thêm biên khảo *Khi Núi, Đất, Biển là Một* của Nguyễn Duy Chính

²⁴ Ann Paludan: tr. 203 (Macartney's Embassy)